

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *oi, ôi, ơi*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *oi, ôi, ơi*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *oi, ôi, ơi*; viết đúng các tiếng, từ ngữ có các vần *oi, ôi, ơi*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *oi, ôi, ơi* có trong bài học.
- Phát triển kĩ năng nói và so sánh các sự vật.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về người và vật (đồ vật và loài vật).
- Cảm nhận được tình cảm mẹ con được thể hiện trong đoạn đối thoại đọc hiểu, từ đó gần gũi hơn với gia đình.

II CHUẨN BỊ

Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *oi, ôi, ơi*; hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**TIẾT 1****1. Ôn và khởi động**

Ôn lại những vần vừa học trong bài trước (*ai, ay, ây*) và tạo tâm thế cho giờ học.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Voi con/ mời bạn/ đi xem hội.*
- GV giới thiệu các vần mới *oi, ôi, ơi*. Viết tên bài lên bảng.

3. Đọc

a. Đọc vần

- So sánh các vần
 - + GV giới thiệu vần *oi, ôi, ơi*.
 - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *oi, ôi, ơi* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
 - + GV đánh vần mẫu các vần *oi, ôi, ơi*.
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
 - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
 - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
 - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *oi*.
 - + HS tháo chữ *o*, ghép *ô* vào để tạo thành *ôi*.
 - + HS tháo chữ *ô*, ghép *ơ* vào để tạo thành *ơi*.
- Lớp đọc đồng thanh *oi, ôi, ơi* một số lần.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng *voi* (trong SHS). GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *voi*.
 - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *voi* (*vờ – oi – voi*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *voi*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *voi*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *voi*.
- Đọc tiếng trong SHS
 - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
 - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
 - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *oi, ôi, ơi*. GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.
 - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh họa cho từng từ ngữ: *chim bói cá, thổi còi, đồ chơi*. Sau khi đưa tranh minh họa cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *chim bói cá*, GV nêu yêu cầu

nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *chim bói cá* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *oi* trong *chim bói cá*, phân tích và đánh vần tiếng *bói*, đọc trơn từ ngữ *chim bói cá*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *thối còi, đồ chơi*.

- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *oi, ôi, ôi*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình viết các vần *oi, ôi, ôi*.
- HS viết vào bảng con: *oi, ôi, ôi* và *còi, thối, chơi* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ôi* và *ôi* vì trong các vần này đã có *oi*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *oi, ôi, ôi*; các từ ngữ *thối còi, đồ chơi*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *oi, ôi, ôi*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *oi, ôi, ôi* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
 - + *Mạ lớn lên gọi là gì?*
 - + *Bê lớn lên gọi là gì?*
 - + *Theo em, mẹ có yêu Hà không? Vì sao em nghĩ như vậy? (Gợi ý: Dù Hà còn bé hay lớn lên thì mẹ vẫn coi Hà là cô con gái nhỏ của mẹ. Tình cảm của mẹ dành cho Hà không bao giờ thay đổi.)*

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi và HS trả lời theo từng câu: *Các em thấy những gì trong tranh?* (chiếc xe máy của mẹ và chiếc xe đạp của Hà); *Giữa*

hai chiếc xe này, các em thấy có gì giống nhau và khác nhau? (Giống nhau: đều là xe có 2 bánh; bánh xe của cả hai loại xe đều có lốp được làm bằng cao su; đều có yên xe;... khác nhau: xe của mẹ là xe máy, xe của Hà là xe đạp; xe máy đi nhanh hơn xe đạp; xe máy to hơn, dài hơn, nặng hơn xe đạp;...).

- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên và có thể trao đổi thêm về các phương tiện giao thông khác.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *oi, ôi, ơi* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *oi, ôi, ơi* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.